BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B17QTH

TÊN HỌC PHẦN: NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO — ĐỢT HỌC 6
MÃ HỌC PHẦN : OB 403 — TÍN CHỈ 2
Ngày thi: 23/05/2013 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
1	**172334423**	Võ Thị Kim	**Châu**	**B17QTH1**	0		0		0				V	**0.0**	*Không*	HP
2	**172334434**	Lê Ngọc	**Duy**	**B17QTH1**	9		9		8.5				8	**8.3**	*Tám phẩy Ba*	
3	**172334447**	Lê Thị	**Hà**	**B17QTH1**	9		9		9				8	**8.5**	*Tám phẩy Năm*	
4	**172334448**	Nguyễn Ngọc	**Hà**	**B17QTH1**	8		9		9.5				8.5	**8.8**	*Tám phẩy Tám*	
5	**172334485**	Cao Thị	**Liễu**	**B17QTH1**	0		0		0				V	**0.0**	*Không*	HP
6	**172334491**	Phạm Ngọc	**Lộc**	**B17QTH1**	9		9		9				8	**8.5**	*Tám phẩy Năm*	
7	**172334501**	Nguyễn Xuân	**Minh**	**B17QTH1**	9		8.5		9.5				7	**8.0**	*Tám*	
8	**172334506**	Nguyễn Thị	**Na**	**B17QTH1**	9		9		9.5				9	**9.1**	*Chín phẩy Một*	
9	**172334507**	Nguyễn Hoàng	**Nam**	**B17QTH1**	8		0		9.5				8	**7.6**	*Bảy phẩy Sáu*	
10	**172334509**	Phùng Vũ Hoài	**Nam**	**B17QTH1**	9		9		9				7	**7.9**	*Bảy phẩy Chín*	
11	**172334518**	Hồ Hoàng	**Nguyên**	**B17QTH1**	9		9		9.5				6.5	**7.8**	*Bảy phẩy Tám*	
12	**172334520**	Nguyễn Nhất	**Nguyên**	**B17QTH1**	9		9		9				9	**9.0**	*Chín*	
13	**172334522**	Nguyễn Thị Thanh	**Nhàn**	**B17QTH1**	9		9		9.5				8	**8.6**	*Tám phẩy Sáu*	
14	**172334523**	Lưu Tùng	**Nhân**	**B17QTH1**	9		9		9				6.5	**7.6**	*Bảy phẩy Sáu*	
15	**172334524**	Phan Lê Hiền	**Nhân**	**B17QTH1**	9		9		9.5				7	**8.0**	*Tám*	
16	**172334534**	Võ Văn	**Phú**	**B17QTH1**	9		9		9				5	**6.8**	*Sáu phẩy Tám*	
17	**172334546**	Mai Thị Diệu	**Quyên**	**B17QTH1**	9		9		8.5				6.5	**7.5**	*Bảy phẩy Năm*	
18	**172334576**	Đỗ Thị Ngàn	**Thương**	**B17QTH1**	9		9		8.5				8	**8.3**	*Tám phẩy Ba*	
19	**172334578**	Trương Thị Kim	**Thương**	**B17QTH1**	9		9		9.5				8.5	**8.9**	*Tám phẩy Chín*	
20	**172334584**	Lê Nguyễn Huy	**Tín**	**B17QTH1**	9		9		8.5				8	**8.3**	*Tám phẩy Ba*	
21	**172334586**	Văn Mạnh Khánh	**Toàn**	**B17QTH1**	9		9		9.5				7	**8.0**	*Tám*	
22	**172334594**	Nguyễn Thị Diệu	**Trang**	**B17QTH1**	9		9		8.5				7	**7.8**	*Bảy phẩy Tám*	
23	**172334598**	Nguyễn Ngọc Quỳnh	**Trâm**	**B17QTH1**	0		0		0				V	**0.0**	*Không*	HP
24	**172334605**	Nguyễn Hữu	**Trúc**	**B17QTH1**	9		9		9.5				7	**8.0**	*Tám*	
25	**172334606**	Nguyễn Thị Thanh	**Trúc**	**B17QTH1**	9		8.5		9.5				8	**8.5**	*Tám phẩy Năm*	
26	**172334613**	Hoàng Nghĩa	**Tuân**	**B17QTH1**	9		8.5		9.5				7	**8.0**	*Tám*	
27	**172334619**	Nguyễn Mạnh	**Tuấn**	**B17QTH1**	9		8.5		9				7	**7.9**	*Bảy phẩy Chín*	
28	**172334624**	Nguyễn Hữu Chí	**Tường**	**B17QTH1**	8		0		9.5				7	**7.0**	*Bảy*	
29	**172334629**	Nguyễn Thị Xuân	**Vân**	**B17QTH1**	9		9		9.5				8	**8.6**	*Tám phẩy Sáu*	
30	**172334632**	Lê Châu Quang	**Viễn**	**B17QTH1**	9		9		9				8	**8.5**	*Tám phẩy Năm*	
31	**172334635**	Ngô Lê Minh	**Vũ**	**B17QTH1**	9		9		9.5				9.5	**9.4**	*Chín phẩy Bốn*	
32	**172524313**	Trần Văn	**Bồn**	**B17QTH1**	9		9		9.5				8	**8.6**	*Tám phẩy Sáu*	
33	**172334438**	Lê Tiến	**Đạt**	**B17QTH2**	9		9		8.5				8	**8.3**	*Tám phẩy Ba*	
34	**172334459**	Lê Thị	**Hằng**	**B17QTH2**	9		9.5		9				9	**9.1**	*Chín phẩy Một*	
35	**172334470**	Nguyễn Huỳnh	**Huy**	**B17QTH2**	0		0		0				V	**0.0**	*Không*	HP
36	**172334471**	Nguyễn Văn	**Huy**	**B17QTH2**	9		9		9				8	**8.5**	*Tám phẩy Năm*	
37	**172334488**	Hồ Hoàng	**Long**	**B17QTH2**	9		9		9				9	**9.0**	*Chín*	
38	**172334496**	Ngô Thị Ngọc	**Mai**	**B17QTH2**	9		9		9				9	**9.0**	*Chín*	
39	**172334498**	Bùi Văn	**Minh**	**B17QTH2**	0		0		0				V	**0.0**	*Không*	HP
40	**172334510**	Trần Khoa	**Nam**	**B17QTH2**	9		9		8.5				8	**8.3**	*Tám phẩy Ba*	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B17QTH

TÊN HỌC PHẦN: NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO — ĐỢT HỌC 6
MÃ HỌC PHẦN : OB 403 — TÍN CHỈ 2
Ngày thi: 23/05/2013 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
41	172334516	Huỳnh Kim	Ngọc	B17QTH2	9		9		9				9	9.0	Chín	
42	172334531	Ngô Dương Chi	Ny	B17QTH2	9		9		9				8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
43	172334536	Lê Thị Hồng	Phúc	B17QTH2	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
44	172334537	Phạm Thị	Phúc	B17QTH2	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
45	172334538	Phạm Thị Nga	Phước	B17QTH2	9		9		8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba	
46	172334540	Nguyễn Thị Uyên	Phương	B17QTH2	0		0		0				V	0.0	Không	HP
47	172334542	Phan Tấn Nhật	Quang	B17QTH2	9		8		9				7	7.8	Bảy phẩy Tám	
48	172334556	Lê Thị Bích	Thảo	B17QTH2	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
49	172334592	Lê Vũ Khánh	Trang	B17QTH2	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
50	172334593	Ngô Thị Thu	Trang	B17QTH2	9		9.5		9				9	9.1	Chín phẩy Một	
51	172334595	Trần Thị Thùy	Trang	B17QTH2	9		9		9				9.5	9.3	Chín phẩy Ba	
52	172334599	Nguyễn Quỳnh	Trâm	B17QTH2	9		9		9				8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
53	172334601	Trần Thị Bích	Trâm	B17QTH2	9		9		9				9	9.0	Chín	
54	172334610	Trần Thanh	Trường	B17QTH2	8		7		9				8	8.2	Tám phẩy Hai	
55	172414681	Ngô Thị	Thu	B17QTH2	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
56	162320325	Nguyễn Thị	Quỳnh	B17QTH2	9		9		9				V	0.0	Không	
57	162320294	Huỳnh Thị Mỹ	Loan	B17QTH2	9		9		9				9	9.0	Chín	
58	162330899	Võ Thị Kim	Trinh	B17QTH2	8		8		9				8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
59	162330925	Nguyễn Thế Hoàng	Việt	B17QTH2	9		9		8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám	
60	162330724	Nguyễn Văn	Hoài	B17QTH2	9		9		8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba	
61	172334409	Bùi Thành	An	B17QTH3	9		9		8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba	
62	172334417	Nguyễn Tuấn	Anh	B17QTH3	9		9		9				6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
63	172334419	Trương Thị Vân	Anh	B17QTH3	9		9		8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba	
64	172334420	Trần Quốc	Bảo	B17QTH3	8		7		9				V	0.0	Không	
65	172334433	Thân Đức	Dũng	B17QTH3	9		9.5		8.5				9.5	9.2	Chín phẩy Hai	
66	172334474	Thân Thị Thu	Hương	B17QTH3	9		9		8.5				9	8.9	Tám phẩy Chín	
67	172334479	Nguyễn Hữu	Khôi	B17QTH3	9		9.5		9				9	9.1	Chín phẩy Một	
68	172334484	Nguyễn Thị Mai	Liên	B17QTH3	8		8		9				9.5	9.1	Chín phẩy Một	
69	172334525	Đỗ Duy	Nhật	B17QTH3	9		8.5		9				8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
70	172334527	Võ Hạnh	Nhi	B17QTH3	8		8		9				8	8.3	Tám phẩy Ba	
71	172334535	Đỗ Tấn	Phúc	B17QTH3	9		9		9				9	9.0	Chín	
72	172334547	Trần Thế	Quyền	B17QTH3	9		8.5		8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba	
73	172334552	Lê Ngọc	Thái	B17QTH3	9		9		0				7	5.7	Năm phẩy Bảy	
74	172334553	Nguyễn Văn	Thanh	B17QTH3	9		9		8.5				9	8.9	Tám phẩy Chín	
75	172334562	Đoàn Thị Quỳnh	Thi	B17QTH3	9		8.5		8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba	
76	172334570	Bùi Hữu	Thông	B17QTH3	8		0		9				6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
77	172334574	Trần Anh	Thư	B17QTH3	9		9		8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám	
78	172334587	Bùi Văn	Tôn	B17QTH3	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
79	172334590	Đinh Lan Hiền	Trang	B17QTH3	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
80	172334611	Đặng Thị Ngọc	Tú	B17QTH3	0		0		0				V	0.0	Không	HP

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B17QTH

TÊN HỌC PHẦN: NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO — ĐỢT HỌC 6
MÃ HỌC PHẦN : OB 403 — TÍN CHỈ 2
Ngày thi: 23/05/2013 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
81	172334615	Nguyễn Tiến	Tuân	B17QTH3	9		9.5		8.5				9	8.9	Tám phẩy Chín	
82	172334617	Nguyễn Kim	Tuấn	B17QTH3	9		8.5		9				9	9.0	Chín	
83	172334627	Bùi Thị Hà	Vân	B17QTH3	0		0		0				V	0.0	Không	HP
84	172334631	Từ Thị Thu	Vi	B17QTH3	0		0		0				V	0.0	Không	HP
85	172334637	Phạm Vũ Hoàng	Vy	B17QTH3	9		9		9				8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
86	172334639	Trần Văn	Vỹ	B17QTH3	0		0		0				V	0.0	Không	HP
87	172334641	Vũ Hoàng	Yên	B17QTH3	8		7		9				7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
88	162350503	Đinh Ngọc	Sơn	B17QTH3	9		9		8.5				9	8.9	Tám phẩy Chín	
89	172524393	Lê Thị Bảo	Trang	B17QTH3	8		0		9				V	0.0	Không	
90	172334411	Lê Phước Ngọc	Anh	B17QTH4	0		0		0				V	0.0	Không	HP
91	172334429	Vũ Huy	Diễn	B17QTH4	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
92	172334446	Lê Thanh	Hà	B17QTH4	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
93	172334452	Võ Thanh	Hà	B17QTH4	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
94	172334455	Nguyễn Kim	Hải	B17QTH4	8		0		9				V	0.0	Không	
95	172334457	Hồ Thị Kim	Hạnh	B17QTH4	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
96	172334458	Võ Văn Thị Hồng	Hạnh	B17QTH4	9		8.5		9				8	8.4	Tám phẩy Bốn	
97	172334469	Trần Thị	Huệ	B17QTH4	8		8.5		9				9.5	9.1	Chín phẩy Một	
98	172334473	Bùi Thị	Huyền	B17QTH4	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
99	172334487	Vũ Thị	Loan	B17QTH4	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
100	172334490	Lê Thị	Lộc	B17QTH4	8		7		9				8	8.2	Tám phẩy Hai	
101	172334508	Nguyễn Tuấn	Nam	B17QTH4	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
102	172334514	Lê Thị Kiều	Ngân	B17QTH4	8		0		9				7	6.9	Sáu phẩy Chín	
103	172334515	Trần Thị Hoa	Ngân	B17QTH4	9		9		9				9	9.0	Chín	
104	172334549	Phan Xuân	Sơn	B17QTH4	9		8.5		9				9	9.0	Chín	
105	172334572	Phan Thị	Thúy	B17QTH4	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
106	172334579	Lê Hoài	Thưởng	B17QTH4	8		0		0				V	0.0	Không	HP
107	172334583	Trần Văn	Tiến	B17QTH4	9		9		9				8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
108	172334588	Dương Ngọc Nhật	Trang	B17QTH4	8		9		9				8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
109	172334589	Đặng Thị Mỹ	Trang	B17QTH4	9		9		9				7.5	8.2	Tám phẩy Hai	
110	172334596	Trương Thị Thùy	Trang	B17QTH4	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
111	172334597	Võ Thị Thu	Trang	B17QTH4	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
112	172334600	Nguyễn Thị	Trâm	B17QTH4	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
113	172334602	Cao Minh	Trí	B17QTH4	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
114	172334603	Dương Phú Khải	Trí	B17QTH4	9		8.5		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
115	172334618	Nguyễn Kim	Tuấn	B17QTH4	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
116	172334630	Võ Thị Hồng	Vân	B17QTH4	9		9		9				9	9.0	Chín	
117	172334633	Phạm Thanh	Vinh	B17QTH4	9		9		9				7	7.9	Bảy phẩy Chín	
118	172334640	Văn Thị	Ý	B17QTH4	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	
119	172334415	Nguyễn Ngọc	Anh	B17QTH5	9		9		9				7.5	8.2	Tám phẩy Hai	
120	172334418	Phạm Thị Vân	Anh	B17QTH5	9		9.5		9				8	8.5	Tám phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B17QTH

TÊN HỌC PHẦN: NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO — ĐỢT HỌC 6
MÃ HỌC PHẦN : OB 403 — TÍN CHỈ 2
Ngày thi: 23/05/2013 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
121	**172334430**	Trần Huỳnh Thy	**Diệu**	**B17QTH5**	9		9		9				7	**7.9**	*Bảy phẩy Chín*	
122	**172334432**	Nguyễn Ngọc	**Dũng**	**B17QTH5**	9		9		8.5				8.5	**8.6**	*Tám phẩy Sáu*	
123	**172334435**	Nguyễn Phương	**Duy**	**B17QTH5**	9		8.5		8.5				9	**8.8**	*Tám phẩy Tám*	
124	**172334440**	Nguyễn Văn	**Điệp**	**B17QTH5**	9		9		8.5				7	**7.8**	*Bảy phẩy Tám*	
125	**172334443**	Nguyễn Hoàng	**Gia**	**B17QTH5**	9		9		9				8	**8.5**	*Tám phẩy Năm*	
126	**172334456**	Nguyễn Minh	**Hải**	**B17QTH5**	9		9		9				8	**8.5**	*Tám phẩy Năm*	
127	**172334461**	Huỳnh Thị	**Hiếu**	**B17QTH5**	0		0		0				V	**0.0**	*Không*	HP
128	**172334465**	Lê Văn	**Hoàng**	**B17QTH5**	9		9		8.5				7	**7.8**	*Bảy phẩy Tám*	
129	**172334475**	Nguyễn Ngọc	**Hỷ**	**B17QTH5**	9		9		9				7.5	**8.2**	*Tám phẩy Hai*	
130	**172334489**	Nguyễn Đức	**Long**	**B17QTH5**	9		9		9.5				8.5	**8.9**	*Tám phẩy Chín*	
131	**172334492**	Phạm Thị Xuân	**Lộc**	**B17QTH5**	9		9		9.5				7	**8.0**	*Tám*	
132	**172334502**	Đinh Thị Khánh	**My**	**B17QTH5**	0		0		0				V	**0.0**	*Không*	HP
133	**172334513**	Huỳnh Thị Kim	**Ngân**	**B17QTH5**	9		9		9				9	**9.0**	*Chín*	
134	**172334539**	Huỳnh Ngọc	**Phương**	**B17QTH5**	9		9		9.5				7.5	**8.3**	*Tám phẩy Ba*	
135	**172334541**	Phan Lê	**Phương**	**B17QTH5**	9		9		9.5				6	**7.5**	*Bảy phẩy Năm*	
136	**172334548**	Hoàng Lam	**Sơn**	**B17QTH5**	9		9		9				7	**7.9**	*Bảy phẩy Chín*	
137	**172334575**	Đinh Thị	**Thương**	**B17QTH5**	9		9		8.5				9	**8.9**	*Tám phẩy Chín*	
138	**172334607**	Phạm Thanh	**Trung**	**B17QTH5**	9		7		8.5				7	**7.6**	*Bảy phẩy Sáu*	
139	**172334620**	Nguyễn Thành	**Tuấn**	**B17QTH5**	9		8.5		9.5				7	**8.0**	*Tám*	
140	**172334634**	Trà Thanh	**Vinh**	**B17QTH5**	9		9		8.5				7	**7.8**	*Bảy phẩy Tám*	
141	**172334638**	Trần Ngọc Thảo	**Vy**	**B17QTH5**	9		9		9.5				7	**8.0**	*Tám*	
142	**152337541**	Lê Thị	**Cường**	**B17QTH5**	9		9		9.5				8	**8.6**	*Tám phẩy Sáu*	
143	**152337700**	Nguyễn Chí	**Nhất**	**B17QTH5**	8		0		8.5				V	**0.0**	*Không*	
144	**152337542**	Trần Mạnh	**Cường**	**B17QTH5**	8		0		9.5				V	**0.0**	*Không*	
145	**172334412**	Lê Vân	**Anh**	**B17QTH9**	0		0		0				V	**0.0**	*Không*	HP
146	**172334416**	Nguyễn Tuấn	**Anh**	**B17QTH9**	9		8.5		8.5				6.5	**7.5**	*Bảy phẩy Năm*	
147	**172334427**	Ngô Thanh	**Danh**	**B17QTH9**	9		9		9				8	**8.5**	*Tám phẩy Năm*	
148	**172334436**	Trần Khương	**Duy**	**B17QTH9**	9		9		9				8.5	**8.7**	*Tám phẩy Bảy*	
149	**172334445**	Hoàng Ngọc Xuân	**Hà**	**B17QTH9**	9		8.5		8.5				5	**6.6**	*Sáu phẩy Sáu*	
150	**172334463**	Nguyễn Thanh	**Hòa**	**B17QTH9**	9		9		9				6.5	**7.6**	*Bảy phẩy Sáu*	
151	**172334472**	Phạm Minh	**Huy**	**B17QTH9**	9		9		9				6.5	**7.6**	*Bảy phẩy Sáu*	
152	**172334478**	Võ Đức	**Khoa**	**B17QTH9**	8		7		8.5				5.5	**6.7**	*Sáu phẩy Bảy*	
153	**172334482**	Ngô Thị Thanh	**Lan**	**B17QTH9**	9		9		9				7.5	**8.2**	*Tám phẩy Hai*	
154	**172334483**	Từ Thị	**Lê**	**B17QTH9**	9		9		9				8	**8.5**	*Tám phẩy Năm*	
155	**172334517**	Lê Nguyên Bảo	**Ngọc**	**B17QTH9**	9		9		9				8.5	**8.7**	*Tám phẩy Bảy*	
156	**172334526**	Huỳnh Thị Bích	**Nhi**	**B17QTH9**	9		8.5		9				8	**8.4**	*Tám phẩy Bốn*	
157	**172334529**	Hoàng Thị	**Nhớ**	**B17QTH9**	9		9		9				8.5	**8.7**	*Tám phẩy Bảy*	
158	**172334543**	Trần Lê	**Quang**	**B17QTH9**	8		7		8.5				7	**7.5**	*Bảy phẩy Năm*	
159	**172334551**	Phan Tá	**Tây**	**B17QTH9**	9		8.5		9				8	**8.4**	*Tám phẩy Bốn*	
160	**172334554**	Phạm Văn	**Thanh**	**B17QTH9**	9		8.5		9				9	**9.0**	*Chín*	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B17QTH

TÊN HỌC PHẦN: NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO — ĐỢT HỌC 6
MÃ HỌC PHẦN : OB 403 — TÍN CHỈ 2
Ngày thi: 23/05/2013 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
161	**172334569**	Lê Quang	**Thọ**	**B17QTH9**	9		9		9				7	**7.9**	*Bảy phẩy Chín*	
162	**172334582**	Trần	**Tiến**	**B17QTH9**	9		8.5		8.5				6.5	**7.5**	*Bảy phẩy Năm*	
163	**172334591**	Huỳnh Thị Huyền	**Trang**	**B17QTH9**	9		8.5		9				7	**7.9**	*Bảy phẩy Chín*	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	142	87%	
2	Số sinh viên nợ	21	13%	
TỔNG CỘNG :		**163**	**100%**	

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 06 năm 2013

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC TT ĐÀO TẠO BẰNG 2	PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
		(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Thị Kim Phượng	**Phạm Hồng Phương**	**ThS. Hồ Hà Đông**	**ThS. Nguyễn Hữu Phú**